

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày 12-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 47/2017/TLST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST- KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH C; địa chỉ trụ sở: Lô A-5E-CN, Khu Công nghiệp MP 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông A, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phi Y, sinh năm 1996; địa chỉ: 64/16, khu phố Y, phường VP, thị xã TA, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền số 02/2017 ngày 09 tháng 10 năm 2017); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên Nội thất Xuất khẩu K; địa chỉ trụ sở: Lô D, đường D2, Khu Công nghiệp NTU, phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thùy N, chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện nguyên đơn bà Đinh Thị Phi Y trình bày: Công ty TNHH C bán hàng cho Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất PN (sau này đăng ký thay đổi là Công ty TNHH Một thành viên Nội thất Xuất khẩu K) các loại sơn, chất cứng, dung môi từ tháng 6/2015, việc mua bán hàng hóa không lập hợp đồng, Công ty TNHH Một thành viên Nội thất Xuất khẩu K đặt hàng thông qua điện thoại, thời gian, địa điểm giao hàng do Công ty TNHH Một thành viên Nội thất Xuất khẩu K (sau đây gọi tắt là Công ty K) chỉ định, phương thức thanh toán trong vòng hai tháng sau khi nhận hàng và hóa đơn tài chính. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn 14 lần theo đặt hàng của Công ty K và đã xuất 14 hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể hóa đơn số 0004380 ngày 25/6/2017 với số tiền là 8.055.180 đồng, hóa đơn số 004383 ngày 25/6/2015 với số tiền là 1.789.252 đồng, hóa đơn số 0004433 ngày 30/6/2015 với số tiền là 46.865.292 đồng, hóa đơn số 0004520 ngày 07/7/2015 với số tiền là 26.754.758 đồng, hóa đơn số 0004578 ngày 14/7/2015 với số tiền 19.167.597, hóa đơn số 0004586 ngày 14/7/2015 với số tiền 12.585.137 đồng, hoá đơn số 0004617 ngày 16/7/2015 với số tiền 13.503.033 đồng, hóa đơn số 0004633 ngày 17/7/2015 với số tiền 9.140.234 đồng, hóa đơn số 0004674 ngày 22/7/2015 với số tiền 22.280.940 đồng, hóa đơn số 0004675 ngày 22/7/2015 với số tiền 15.157.142 đồng, hóa đơn số 0004838 ngày 07/8/2015 với số tiền 12.894.195 đồng, hóa đơn số 0004933 ngày 18/8/2015 với số tiền 10.012.444 đồng, hóa đơn số 0004975 ngày 21/8/2015 với số tiền 5.403.822 đồng, hóa đơn số 0005020 ngày 25/8/2015 với số tiền 23.574.374 đồng. Tổng số tiền hàng của 14 lần giao hàng là 227.183.401 đồng. Bị đơn đặt mã hàng nào thì nguyên đơn giao mã hàng đó, nguyên đơn không nhận bất kỳ khiếu nại nào về chất lượng hàng hóa từ bị đơn. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền là 210.276.749 đồng thông qua 08 lần chuyển khoản vào các ngày 03/11/2015 với số tiền 56.709.724 đồng; ngày 05/02/2016 với số tiền 58.507.492 đồng; ngày 09/5/2016 với số tiền 22.643.267 đồng; ngày 27/7/2016 với số tiền 15.000.000 đồng; ngày 20/10/2016 với số tiền 15.000.000 đồng; ngày 09/11/2016 với số tiền 15.416.266 đồng; ngày 13/01/2017 với số tiền 15.000.000 đồng và ngày 05/9/2017 với số tiền 12.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 16.906.652 đồng bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ là 16.906.652 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bản sao 08 chứng từ giao dịch chuyển khoản của Ngân hàng; Bản sao 14 hoá đơn giá trị gia tăng; Bản sao 14 phiếu xuất kho.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Nội thất Xuất khẩu K trình bày: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất PN, đăng ký thay đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Nội thất Xuất khẩu K (sau đây gọi tắt là Công ty K) vào ngày

05/4/2017. Khoảng tháng 06/2015, Công ty K có đặt hàng Công ty TNHH C các mặt hàng là sơn, chất cứng và dung môi, thống nhất theo phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là việc mua bán hàng hóa không thông qua hợp đồng, Công ty K đặt hàng thông qua điện thoại, thời gian, địa điểm giao hàng do Công ty K chỉ định, phương thức thanh toán trong vòng hai tháng sau khi nhận hàng và hóa đơn tài chính. Bị đơn đã 14 lần đặt hàng với nguyên đơn, thống nhất theo chứng cứ nguyên đơn xuất trình là các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho và chứng từ giao dịch do nguyên đơn xuất trình. Tổng số tiền mua hàng của 14 lần là 227.183.401 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 210.276.749 đồng, còn nợ lại 16.906.652 đồng. Lý do chưa thanh toán số tiền này vì nguyên đơn tư vấn sai dẫn đến bị đơn mua mã sơn không đúng loại sơn mà bị đơn sử dụng và một số sơn cung cấp đúng mã sản phẩm đã đặt nhưng do bị đơn sử dụng hết dung môi và yêu cầu nguyên đơn bán thêm dung môi để sử dụng thì nguyên đơn không bán, do vậy không sử dụng được. Cụ thể, mã hàng Z8A015-Son-HamChim #MS tại phiếu xuất kho ngày 22/7/2015 là không đúng loại sơn mà bị đơn sử dụng. Các mã hàng URA333-Son- Furnisol 200 sandinh Sealer tại phiếu xuất kho ngày 18/8/2015; mã sơn P8L060 và U8A025 theo phiếu xuất kho ngày 25/8/2015; mã hàng X8L003, X8X002, URA012, UHA 110 theo phiếu xuất kho ngày 30/6/2015 là đúng với mã hàng bị đơn đặt nhưng bị đơn đã sử dụng hết chất dung môi làm cứng, đặt hàng nguyên đơn nhưng nguyên đơn không bán dẫn đến bị đơn không sử dụng được.

Mã hàng Z8A015-Son-HamChim#MS, nguyên đơn cung cấp là đúng theo đặt hàng, nhưng khi nhận hàng kiểm tra thì đây là loại sơn ngoài trời, không đúng như nguyên đơn đã tư vấn vì bị đơn sử dụng là sử dụng sơn trong nhà, bị đơn có khiếu nại báo nguyên đơn biết thông qua email. Còn các mã hàng còn lại, bị đơn chưa thanh toán vì bị đơn sợ nếu bị đơn chuyển tiền thì nguyên đơn không xem xét giải quyết đối với mã hàng Z8A015-Son-HamChim #MS. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền trên mà giữ lại số tiền trên để nguyên đơn xem xét với số lượng hàng mà nguyên đơn đã tư vấn sai dẫn đến đặt hàng sai mục đích và hàng thiếu dung môi không thể sử dụng được. Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập người làm chứng là người đã tư vấn sơn cho bị đơn để chứng minh là tư vấn sơn sai dẫn đến bị đơn đặt hàng không đúng mục đích sử dụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu:

- Về việc thực hiện quá trình tố tụng như sau: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia Tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ là 16.902.652 đồng, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền

16.902.652 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH MTV Nội thất Xuất khẩu K có trụ sở chính tại Lô D, đường D2, khu công nghiệp NTU, phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Công ty TNHH C yêu cầu bị đơn Công ty TNHH MTV K thanh toán số tiền hàng còn nợ là 16.906.652 đồng nên Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để triệu tập người làm chứng vì nguyên đơn không thanh toán tiền hàng còn nợ cho nguyên đơn là do nguyên đơn tư vấn sai dẫn đến đặt hàng sai và người làm chứng biết rõ việc sự việc này. Xét thấy, quá trình tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không xuất trình chứng cứ và xác định không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Đồng thời, yêu cầu hoãn phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không thuộc một trong các trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ là 16.906.652 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Công ty TNHH C đã cung cấp chứng cứ là 14 hóa đơn giá trị gia tăng gồm hóa đơn số 0004380 ngày 25/6/2015, hóa đơn số 004383 ngày 25/6/2015, hóa đơn số 0004433 ngày 30/6/2015, hóa đơn số 0004520 ngày 07/7/2015, hóa đơn số 0004578 ngày 14/7/2015, hóa đơn số 0004586 ngày 14/7/2015, hóa đơn số 0004617 ngày 16/7/2015, hóa đơn số 0004633 ngày 17/7/2015, hóa đơn số 0004674 ngày 22/7/2015, hóa đơn số 0004675 ngày 22/7/2015, hóa đơn số 0004838 ngày 07/8/2015, hóa đơn số 0004933 ngày 18/8/2015, hóa đơn số 0004975 ngày 21/8/2015, hóa đơn số 0005020 ngày 25/8/2015; phiếu xuất kho gồm phiếu xuất kho số 06/237 ngày 25/6/2015, phiếu xuất kho số 06/240 ngày 25/6/2015, phiếu xuất kho số 06/286 ngày 30/6/2015, phiếu xuất kho số 07/073 ngày 07/7/2015, phiếu xuất kho số 07/130 ngày 14/7/2015, phiếu xuất kho số

07/138 ngày 14/7/2015, phiếu xuất kho số 07/169 ngày 16/7/2015, phiếu xuất kho số 07/184 ngày 17/7/2015, phiếu xuất kho số 07/250 ngày 22/7/2015, phiếu xuất kho số 07/223 ngày 22/7/2015, phiếu xuất kho số 08/053 ngày 07/8/2015, phiếu xuất kho số 08/143 ngày 18/8/2015, phiếu xuất kho số 08/209 ngày 21/8/2015, phiếu xuất kho số 08/337 ngày 25/8/2015 và 08 chứng từ giao dịch gồm chứng từ ngày 03/11/2015, ngày 05/02/2016, ngày 09/5/2016, ngày 27/7/2016, ngày 20/10/2016, ngày 09/11/2016, ngày 13/01/2017 và ngày 05/9/2017.

Bị đơn thống nhất đã 14 lần đặt hàng với nguyên đơn, thống nhất theo chứng cứ nguyên đơn xuất trình là các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho và chứng từ giao dịch do nguyên đơn xuất trình. Tổng số tiền mua hàng của 14 lần là 227.183.401 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 210.276.749 đồng, còn nợ lại 16.906.652 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH C đã thực hiện giao hàng đúng theo nội dung thỏa thuận giữa Công ty TNHH C với Công ty TNHH MTV K, theo như thỏa thuận mua bán giữa hai bên, tổng số hàng hóa có giá trị là 227.183.401 đồng, tuy nhiên Công ty TNHH MTV K chỉ thanh toán được số tiền là 210.276.749 đồng, số tiền hàng Công ty TNHH MTV K còn nợ Công ty TNHH C là 16.906.652 đồng. Bị đơn thống nhất số tiền còn nợ là 16.906.652 đồng nhưng không đồng ý thanh toán. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn thống nhất là bị đơn thanh toán tiền cho nguyên đơn trong vòng 02 tháng sau khi nguyên đơn xuất hóa trị gia tăng, bị đơn đã nhận hóa đơn từ nguyên đơn, qua xác minh tại Chi cục Thuế thị xã Tân Uyên thì bị đơn có đăng ký kê khai thuế đối với 14 hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn xuất trình. Bị đơn cho rằng tạm giữ không thanh toán số tiền trên là tương đương với số lượng sơn mà nguyên đơn tư vấn sai và thiếu dung môi không thể sử dụng được để khấu trừ cho bị đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận, nguyên đơn xác định đã giao hàng đúng như bị đơn đã đặt và bị đơn cũng thừa nhận là đã nhận đúng những mặt hàng đã đặt như vậy có căn cứ xác định bị đơn đã nhận hàng của nguyên đơn theo đặt hàng thì phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Bị đơn cho rằng không đúng chất lượng hoá nên không thanh toán là không phù hợp. Do vậy, việc Công ty TNHH MTV K không thanh toán cho Công ty TNHH C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH C. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số 16.906.652 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản

2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại.
- Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc Công ty TNHH MTV Nội thất Xuất khẩu K phải thanh toán cho Công ty TNHH C số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 16.906.652 (mười sáu triệu chín trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV Nội thất Xuất khẩu K phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng.
- Hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013416 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01)
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết